

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2017/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2017
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Anh Thư**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hoàng Thị Thiện Lai**.

2. Bà **Đặng Thị Kim Xuyên**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tấn Kiệt** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang**.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2017 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị S** – Sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 356, tổ 11, ấp T 2, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp P 1, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Bùi Thiện T** – Sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 356, tổ 11, ấp T 2, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Đặng Thị S trình bày: Chị và anh T cưới nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn

theo quy định pháp luật, hôn nhân do tự tìm hiểu và được cha mẹ đồng ý. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tiền bạc, chồng thường hay cờ bạc nên chị đã gửi đơn ly hôn và được Tòa án giải quyết vào năm 2010. Đến năm 2013 vợ chồng hàn gắn tình cảm nên chung sống lại và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Lương. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng tiếp tục cờ bạc, không quan tâm gia đình nên chị về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân hơn 04 tháng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Bùi Thiện T. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Ngọc T – Sinh ngày 20/6/2009 và Bùi Ngọc D – Sinh ngày 11/6/2015 (hiện 02 con chung đang sống cùng chị S). Khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Bùi Thiện T được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được.

Tại phiên tòa chị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Chị S và anh T kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Lương năm 2013, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T đánh bạc, không lo làm ăn, chăm lo hạnh phúc gia đình nên chị S về nhà cha mẹ ruột và ly thân đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh T.

Xét thấy, chị S xác định không còn tình cảm với anh T và anh T biết được việc chị S xin ly hôn nhưng không có ý kiến phản hồi, không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, nên mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, việc chị S yêu cầu ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Bùi Ngọc T, sinh ngày 20/6/2009, Bùi Ngọc D, sinh ngày 11/6/2015 hiện đang sống với chị S, yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân cháu T và cháu D sống chung với chị S vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Hơn nữa, cháu T có nguyện vọng sống với chị S, cháu D hiện chưa có đủ 36 tháng tuổi. Để ổn định cuộc sống cho các cháu nghĩ nên để chị S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu T, D. Do chị S không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập đến.

+ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng: [1] Chị Đặng Thị S xin ly hôn với anh Bùi Thiện T, anh T có nơi cư trú ấp T 2, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

Anh Bùi Thiện T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ.

- Về pháp luật nội dung: [2] Chị Đặng Thị S xin ly hôn với anh Bùi Thiện T. Chị S và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị S trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng thường hay cờ bạc, không quan tâm gia đình, nên vợ chồng thường hay cãi nhau và chị về nhà cha mẹ ruột sống khoảng 04 tháng từ đó vợ chồng không còn sống chung. Tại biên bản xác minh ngày 07/7/2017 thì anh T là đối tượng thường hay cờ bạc tại địa phương, điều này phù hợp với lời trình bày của chị S. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về việc chị S xin ly hôn và triệu tập anh T tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị S. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị S và anh T đã diễn ra trong thời gian dài nguyên nhân chủ yếu là anh T thường hay cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị S là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Đặng Thị S xác định vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Ngọc T – Sinh ngày 20/6/2009 và Bùi Ngọc D – Sinh ngày 11/6/2015 (hiện 02 con chung đang sống cùng chị S). Khi ly hôn chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau 02 con chung do chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của các cháu gắn liền với người nuôi dưỡng. Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 19/6/2017 thì cháu T có nguyện vọng sống chung với mẹ và Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ thì nhà chị S cũng gần trường học, trạm y tế có điều kiện để chăm

sóc, nuôi dưỡng các cháu phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, để chị S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu là phù hợp pháp luật và nguyện vọng của con chung. Do chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Không có.

[5] Về quan hệ nợ chung: Không có.

[6] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị S đối với anh Bùi Thiện T.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đặng Thị S được ly hôn với Bùi Thiện T.

- **Về quan hệ con chung:** Chị Đặng Thị S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Bùi Ngọc T – Sinh ngày 20/6/2009 và Bùi Ngọc D – Sinh ngày 11/6/2015 (hiện 02 con chung đang sống cùng chị S). Anh Bùi Thiện T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đặng Thị S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở **anh Bùi Thiện T** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- **Về quan hệ tài sản chung:** Không có.

- **Về quan hệ nợ chung:** Không có. Ghi nhận chị Đặng Thị S xác định không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị Đặng Thị S và anh Bùi Thiện T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- **Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Chị Đặng Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0013898 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 11 tháng 5 năm 2017. Chị S đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

